

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/DS-PT
Ngày 18 - 03 - 2024
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mười, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 728, tổ 13, ấp Tân Hòa, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bảy, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 730, tổ 13, ấp Tân Hòa, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Mười là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Trần Thị Mười trình bày:

Thửa đất 207, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031m² là của cụ Nguyễn Thị Đề, cụ Đề tặng cho cá nhân bà Trần Thị Mười, sau đó bà Mười đi kê khai lần đầu để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 1993, bà Mười cấp đổi lần

đầu năm 2004 và cấp đổi **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất lần hai năm 2015. Vào năm 2003, bà Bảy ly hôn với chồng nên về nhờ ông Trần Bá Thảo hỏi cụ Đề cho bà Bảy ở nhờ trên thửa đất 207, khi cho ở cụ Đề không nói rõ cho ở diện tích cho ở nhờ là bao nhiêu.

Bà Bảy xây dựng một căn nhà tạm ngang 4m x dài 8m = 32m². Năm 2022 bà Bảy hỏi bà Mười để sửa chữa căn nhà, nhưng khi tiến hành sửa chữa thì bà Bảy cố tình sửa chữa căn nhà thành kiên cố và coi nói thêm diện tích ngang 6,96m² đất x dài 4,76m² = 31,84m² đất (đo đạc thực tế là 62,2m² đất). Khi phát hiện bà Bảy sửa chữa thành nhà kiên cố và coi nói thêm phần diện tích thì bà Mười có báo với chính quyền địa phương đến can thiệp, nhưng không lập biên bản.

Bà Trần Thị Mười yêu cầu bà Trần Thị Bảy trả lại diện tích qua đo đạc thực tế 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, đất thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031m² do bà Trần Thị Mười đứng tên **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với cây trồng, nhà và vật kiến trúc trên đất của bà Bảy thì bà Bảy tự di dời đi nơi khác, bà Mười không đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng, nhà và vật kiến trúc cho bà Bảy.

- *Bị đơn bà Trần Thị Bảy trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 22 của cụ Đề nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lờ, sau đổi tên thành Võ Văn Lờ (ông Lờ hiện nay đã chết) vào năm 1991. Cụ Đề đã được đứng tên **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991, bà Bảy sống chung với cụ Đề từ nhỏ cho đến lớn, bà Bảy được cụ Đề cho phần đất để ở và xây dựng nhà từ năm 1992, thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031m² (việc tặng cho năm 1992 chỉ nói miệng). Đến năm 2007 cụ Đề có viết giấy tay tặng cho bà Bảy (hiện nay giấy tay tặng cho này không còn). Những người con của cụ Đề đều biết việc cụ Đề tặng cho bà Bảy. Hiện nay, ngoài diện tích 62,2m² bà Bảy không còn nơi ở nào khác.

Cụ Đề tặng cho bà Mười toàn bộ thửa đất số 207, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031m² khi nào thì bà Bảy không biết, cũng không biết có làm giấy tờ tặng cho hay không, nhưng trong thửa đất số 207 bà Mười đứng tên có diện tích 62,2m² bà Bảy đang quản lý sử dụng. Năm 2016 bà Mười thôi chồng về sinh sống trên thửa đất số 207, năm 2019 cụ Đề chết (lúc này cụ Đề đã 92 tuổi) việc bà Mười đăng ký, kê khai đứng tên vào năm 2004 và cấp đổi năm 2015 thì bà Bảy không biết. Diện tích bà Bảy sử dụng ban đầu khoảng bao nhiêu thì bà Bảy cũng không biết, nhưng qua đo đạc thực tế hiện tại là 62,2m².

Bà Trần Thị Bảy không đồng ý trả lại diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, đất thuộc một phần thửa số 207 do bà Trần Thị Mười đứng tên **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Trần Thị Bảy yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/08/2004 và yêu cầu được đứng tên **Giấy** chứng nhận quyền sử

dụng đất diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, đất thuộc một phần thửa số 207 do bà Trần Thị Mười đứng tên **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 100, 105, 166, 167, 203 Luật Đất đai;

Điều 130, 166, 221, 223, 408, 459 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban **Thường** vụ Quốc **hội** quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mười về việc yêu cầu bà Trần Thị Bảy trả lại diện tích 62,2m².

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bảy về việc vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/8/2004 giữa cụ Nguyễn Thị Đề và bà Trần Thị Mười đối với diện tích 62,2m².

Bà Trần Thị Bảy được quyền quản lý, sử dụng diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành đất thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 22; phần đất tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thị Mười, bà Trần Thị Bảy được quyền đến cơ quan **Nhà** nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng số bìa CY 260486 số vào sổ CH01234 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 22, diện tích 1031,0m² cấp **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/01/2015 cho bà Trần Thị Mười để cấp lại cho bà Trần Thị Mười, bà Trần Thị Bảy theo quy định của pháp luật.

*(Kèm theo **Bản** án là sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản 22/3/2023).*

3. Về án phí: Bà Trần Thị Mười phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 687.200 đồng. Số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Mười đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015413 ngày 14/12/2022 của Chi **cục thi** hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào án phí bà Mười phải chịu. Bà Trần Thị Mười còn phải nộp tiếp số tiền 387.200 đồng.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị Mười phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.743.000 (trong đó chi phí đo đạc là 3.143.000 đồng và chi phí định giá là 600.000 đồng). Bà Trần Thị Mười

đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử vụ án, bà Trần Thị Mười kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mười, buộc bà Trần Thị Bảy trả lại diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, đất thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 22 do bà Trần Thị Mười đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà Mười, bà Bảy. Các đương sự khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án. Bà Mười giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình. Bà Mười có trình bày xác nhận của ông Trần Bá Thảo là chỉ cho bà Bảy ở nhờ trên đất chứ không cho luôn. Bà Bảy đã đồng ý ở đến hết đời của bà Bảy, sau khi chết thì đất thuộc về bà Mười. Bà Mười còn có các con do đó yêu cầu bà Bảy trả đất để sau này cho các con của bà.

Bà Bảy trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm lí do đất này mẹ bà là cụ Đề đã cho ở từ năm 1992 đến nay; bà Bảy đã có rất nhiều công sức để tu bổ, tôn tạo hình thành nên phần đất đang tranh chấp. Lúc mẹ bà Bảy cho đất thì có ranh đất cụ thể, có cắm trụ đá nên không đồng ý theo yêu cầu của bà Mười.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng có mặt thực hiện đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mười, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự thống nhất không có khiếu nại gì về thành phần những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án tranh chấp các đương sự. Qua thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mười yêu cầu bà Bảy trả lại diện tích 62,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 22. Bà Bảy không đồng ý và yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành. Xét thấy: Theo Công văn số 3675/UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện Châu Thành xác định cụ Đề được cấp giấy lần đầu năm 1991, năm 2004 mới tặng cho bà Mười diện tích 877m², cũng theo công văn trên thì phần đất tranh chấp 62,2m² vẫn thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 22. Theo biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2023 bà Mười, bà Bảy đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ Đề, bà Bảy ở và xây dựng nhà khi cụ Đề còn sống, đồng

thời bà Bảy ở trước khi bà Mười được cụ Đề tặng cho quyền sử dụng đất theo hợp đồng tặng cho ngày 25/8/2004. Diện tích đất cụ Đề tặng cho bà Mười là 877m² và được cấp giấy năm 2004 có biên bản đo đạc xác định ranh đất rõ ràng. Đồng thời, khi bà Mười cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là 1.031m² (đo thực tế 1039,1m²). Mặc dù, phần đất tranh chấp 62,2m² rõ ràng thuộc thửa đất số 207, nhưng bà Mười đã được lợi hơn so với diện tích được ghi trong hợp đồng tặng cho 25/8/2004. Theo lời khai bà Trần Thị Vân (con cụ Đề) cũng thừa nhận việc cụ Đề tặng cho diện tích nền nhà cho bà Bảy. Đồng thời, việc tặng cho có hiệu lực từ thời điểm chuyển giao tài sản, cụ Đề đã chuyển giao diện tích 62,2m² cho bà Bảy, bà Bảy đã nhận đất sử dụng ổn định và xây dựng nhà ở cho đến nay. Như vậy đủ cơ sở xác định cụ Đề tặng cho bà Bảy diện tích 62,2m², không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Mười là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/8/2004 và yêu cầu được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 62,2m² của bà Bảy. Xét thấy: Khi cụ Đề tặng cho bà Mười năm 2004 thì diện tích 62,2m² đã được tặng cho bà Bảy trước đó, bà Bảy đã nhận đất xây nhà sử dụng, tuy việc tặng cho từ cụ Đề cho bà Bảy không có hợp đồng nhưng đã giao đất trên thực tế. Nên việc cụ Đề tiếp tục tặng cho bà Mười để bà Mười là không phù hợp, cần vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/8/2004 đối với diện tích 62,2m² nên yêu cầu vô hiệu của bà Bảy là có cơ sở để chấp nhận. Do bà Bảy đã quản lý sử dụng diện tích 62,2m² xây dựng nhà ở nên yêu cầu được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 62,2m² là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Đối với các đương sự còn lại không có yêu cầu gì nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4] Đồng thời căn cứ vào nội dung quyết định các đương sự phải chịu tiền án phí, chi phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà Mười kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mười và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

[6] Tại các phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngoài nhận định Tòa án cấp sơ thẩm ra các đương sự thống nhất đất có nguồn gốc của cụ Đề để lại. Bà Mười thừa nhận bà Bảy đã sử dụng đất. Khi bà Mười đi đăng ký quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Bảy không biết. Bà Mười, bà Bảy đều thống nhất đất này trước đây không có đường đi, sau này Nhà nước mới đổ đan lên làm đường đi khoảng 5, 6 năm nay.

Bà Bảy và ông Phạm Văn Lâm (chồng bà Bảy, đã chết) có thuê xe múc đất đắp lên phần đất đang tranh chấp cho ngang bằng như hiện trạng hiện nay.

Bà Mười khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004 đã biết bà Bảy sử dụng đất, có nói với cụ Đề đề hỏi ý kiến nhưng không ai phát sinh tranh chấp, cụ Đề đã có cắm ranh đất cho bà Bảy để sử dụng ổn định. Năm 2019 cụ Đề mất, đến năm 2022 bà Bảy sửa nhà thì bà Mười mới phát sinh tranh chấp. Từ các căn cứ và nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mười là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã có Công văn số 848/UBND-NC ngày 04/3/2024, qua đó căn cứ theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa, diện tích đất tối thiểu được tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất đang tranh chấp sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Mười; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về chi phí, án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên bà Trần Thị Mười phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mười.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mười về việc yêu cầu bà Trần Thị Bảy trả lại diện tích 62,2m².

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bảy về việc vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/8/2004 giữa cụ Nguyễn Thị Đề và bà Trần Thị Mười đối với diện tích 62,2m².

Bà Trần Thị Bảy được quyền quản lý, sử dụng diện tích 62,2m² thể hiện qua các mốc 4, 8, 7, 6, 5, 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành đất thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 22; phần đất tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thị Mười, bà Trần Thị Bảy được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng số bìa CY 260486 số vào sổ CH01234 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 22, diện tích

1031,0m² cấp **Giấy** chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/01/2015 cho bà Trần Thị Mười để cấp lại cho bà Trần Thị Mười, bà Trần Thị Bảy theo quy định của pháp luật.

*(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2023 của Chi nhánh **Văn** phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản 22/3/2023).*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mười phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 687.200 đồng. Số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Mười đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015413 ngày 14/12/2022 của Chi **cục thi** hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào án phí bà Mười phải chịu. Bà Trần Thị Mười còn phải nộp tiếp số tiền 387.200 đồng.

4. Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Trần Thị Mười phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.743.000 (trong đó chi phí đo đạc là 3.143.000 đồng và chi phí định giá là 600.000 đồng). Bà Trần Thị Mười đã nộp và chi xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Mười phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005704 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Mười không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAT;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm